



GIẤY ỦY QUYỀN

**V/v Tham dự và thực hiện các quyền của Cổ Đông
Tại Đại Hội đồng cổ đông Thường niên 2021**

Quý Cổ đông không thể tham dự Đại hội
có thể uỷ quyền cho người khác tham dự.

Vui lòng cắt trang này, điền đầy đủ thông tin
(ở mặt sau) và gửi bằng bưu điện hoặc fax về: (028) 38 299 547.

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP NAGECCO
Địa chỉ: 29bis Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q.1, TP. Hồ Chí Minh



2021

THƯ MỜI

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN 2021**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng 04 năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

V/v THAM DỰ VÀ THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐỒNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2021

Kính gửi: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp

I. BÊN ỦY QUYỀN

- Tên cổ đông:.....
- Mã cổ đông:.....
- Địa chỉ:.....

II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Vui lòng đánh dấu "X" để chọn)

- ☐ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp
- ☐ Khác: (Vui lòng điền thông tin bên dưới)

- Tên cá nhân/tổ chức:.....
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKKD:.....
- Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....

Bên ủy quyền và Bên được ủy quyền đồng ý với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung ủy quyền

Bên được ủy quyền sẽ được đại diện số cổ phiếu mà Bên ủy quyền hiện đang nắm giữ tại ngày 22/03/2021 (ngày đăng ký cuối cùng) để tham dự và thực hiện các quyền cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp vào ngày 26/04/2021.

Điều 2: Trách nhiệm

Bên ủy quyền chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc ủy quyền này và không có bất kỳ ý kiến phản đối nào về số lượng cổ phiếu đang sở hữu tại ngày 22/03/2021 (ngày đăng ký cuối cùng). Bên được ủy quyền cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định tại Điều 1 của Giấy ủy quyền này và không được ủy quyền cho người khác.

Điều 3: Thời hạn

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 26/04/2021.

Bên Được Ủy Quyền
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Bên Ủy Quyền
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Quý cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự:

- Vui lòng cắt trang này, điền đầy đủ thông tin và gửi bằng đường bưu điện hoặc fax về NAGECCO theo hướng dẫn
- Hoặc Quý cổ đông có thể thực hiện việc ủy quyền tham dự cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo mẫu được đăng trên website của công ty: www.nagecco.com

THƯ MỜI
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2021

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO) trân trọng kính mời Quý cổ đông về tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021:

- 1- Thời gian:** 08 giờ 30 sáng thứ Hai ngày 26/04/2021 (đón tiếp từ 08 giờ 00)
- 2- Địa điểm:** Công ty NAGECCO, số 29Bis Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- 3- Đối tượng:** Cổ đông sở hữu cổ phần của NAGECCO được xác định theo danh sách chốt tại ngày 22/03/2021 (ngày đăng ký cuối cùng).
- 4- Thủ tục tham dự:**
Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông vui lòng mang theo:
 - Thư mời và
 - CMND hoặc CCCD (nếu cá nhân quốc tịch Việt Nam) hoặc
 - Hộ chiếu (nếu là cá nhân quốc tịch nước ngoài) hoặc
 - Giấy giới thiệu (nếu là pháp nhân)Trường hợp Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, vui lòng điền vào Giấy ủy quyền bên dưới hoặc theo mẫu được đăng trên website của công ty: www.nagecco.com
- 5- Nội dung:**
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 của Ban điều hành;
 - Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021;
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
 - Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty sau kiểm toán;

- Phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020;
- Thủ lao HĐQT, BKS năm 2020, kế hoạch năm 2021;
- Ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
- Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- Ban hành Quy chế quản trị Công ty.

6- Tài liệu: Tài liệu phục vụ cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã được đăng tải trên website của công ty: www.nagecco.com.

7- Các vấn đề khác:

- Để tiện việc sắp xếp, tổ chức và đón tiếp, Quý cổ đông vui lòng đăng ký dự họp trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác qua điện thoại, email; gửi thư hoặc fax đến Công ty NAGECCO trước 16 giờ ngày 23/04/2021.
- Thông tin liên hệ:
 - Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Phòng HCNS
 - Điện thoại: (028).39.100.631. Fax: (028).38.299.547

Trân trọng kính mời.



CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP

Ngày 26/04/2021

DỰ THẢO

Thời gian	Nội dung
08h00 - 08h30	- Đăng ký cổ đông, đón tiếp khách mời
08h30- 09h00	<ul style="list-style-type: none">- Khai mạc Đại hội.- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành.- Giới thiệu Đoàn chủ tọa Đại hội và Ban thư ký; Thông qua Ban kiểm phiếu.- Thông qua chương trình làm việc.- Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.- Hướng dẫn cách thức biểu quyết tại Đại hội.
09h00 - 10h30	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành;- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021;- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;- Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; Trình bày thư kiểm toán.- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020;- Tờ trình Thù lao HĐQT, BKS năm 2020, kế hoạch năm 2021;- Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;- Tờ trình Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát, Quy chế quản trị công ty.
10h30 - 11h00	- Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung;
11h00 – 11h15	- Đại hội giải lao
11h10 - 11h45	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Biên bản Đại hội.- Thông qua Nghị quyết Đại hội.- Bế mạc Đại hội.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2020

DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**CHƯƠNG 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây được gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG
VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 4. Điều kiện tham dự đại hội

1. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp được xác định theo danh sách chốt tại ngày 22 tháng 3 năm 2021 (ngày đăng ký cuối cùng) hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Chứng minh thư nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 5. Quyền cổ đông và các bên khi tham dự Đại hội

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Được Ban Tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

3. Tại Đại hội mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự họp ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

4. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết/ Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội.

5. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai

mặc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông và các bên khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông tham dự khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình cuộc họp đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự họp cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký.

2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều khiển của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Hội đồng quản trị công ty lựa chọn, có trách nhiệm như sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp.

- Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết/ phiếu biểu quyết.

- Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Điều 8. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và một số ủy viên do Đoàn Chủ tọa đề cử và được biểu quyết thông qua trước Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội:

- Hướng dẫn cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sử dụng Thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết;

- Kiểm thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết;

- Báo cáo kết quả biểu quyết trước Đại hội.

Điều 9. Đoàn Chủ tọa Đại hội

1. Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ. Chủ tịch HĐQT là Trưởng Đoàn chủ tọa. Đoàn chủ tọa có quyền và nghĩa vụ điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để ĐHĐCĐ diễn ra có trật tự, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

2. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

3. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

4. Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

5. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

6. Bất cứ lúc nào Đoàn chủ tọa có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phải phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ, khi đã được thông qua) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 10. Ban Thư ký:

1. Ban Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Đoàn Chủ tọa Đại hội đề cử.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tọa, bao gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;

- Ghi chép biên bản, dự thảo Nghị quyết Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp khác theo sự phân công của Đoàn chủ tọa.

CHƯƠNG III TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 11. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách chốt ngày 22/03/2021 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập họp lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có

quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.

2. Đại hội sẽ thông qua chương trình họp, lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp

1. Các nội dung sau đây sẽ được biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết: Ban kiểm phiếu của Đại hội; Chương trình Đại hội đồng cổ đông thương niên 2021; Quy chế làm việc tại Đại hội; Thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có).

2. Các nội dung biểu quyết sau đây được thực hiện bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết cụ thể:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành;

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021;

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;

- Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; Trình bày thư kiểm toán.

- Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020;

- Thông qua Tờ trình Thù lao HĐQT, BKS năm 2020, kế hoạch năm 2021;

- Thông qua Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;

- Thông qua nội dung Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Thông qua nội dung Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

- Thông qua nội dung Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

- Thông qua nội dung Ban hành Quy chế quản trị công ty;

- Và các nội dung khác theo diễn biến thực tế.

3. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “□” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
- Không có chữ ký ghi rõ họ tên của Đại biểu
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

5. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết thông qua

Các nội dung biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Trừ nội dung Ban hành điều lệ thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 15. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký ghi chép thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được lưu giữ theo quy định.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực quy chế

1. Quy chế này gồm 4 chương, 16 điều có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số:...../2021/BC-BĐH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Năm 2020, công tác tư vấn gặp khá nhiều khó khăn do các cơ quan quản lý hoạt động xây dựng đang rà soát, thắt chặt các thủ tục pháp lý nên các dự án mới gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến việc chậm trễ, thậm chí tạm ngừng công việc;

Các chủ đầu tư gặp khó khăn trong vấn đề tài chính khiến cho công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi nợ bị chậm (đạt 86% so với năm 2019); Một số chủ đầu tư cố tình chiếm dụng vốn không thực hiện tạm ứng và thanh quyết toán công việc;

Cộng thêm tình hình dịch bệnh Covid- 19 lan rộng vào những tháng đầu năm làm ảnh hưởng sâu rộng đến nền kinh tế của cả nước nói chung và từng doanh nghiệp nói riêng.

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty với mục tiêu phát triển bền vững, kinh doanh an toàn và hiệu quả. Ban điều hành tập trung bám sát các nhiệm vụ trọng tâm của nghị quyết ĐHCĐ 2020 đã đề ra, tăng cường công tác tìm việc, tổ chức thực hiện các dự án đảm bảo đúng chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, kiểm soát chi tiêu, đảm bảo thu nhập tương xứng cho người lao động và cổ tức cho cổ đông. Mà vẫn đảm bảo việc thực hiện giãn cách xã hội không để lây nhiễm bệnh dịch, đảm bảo sức khỏe cán bộ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD của công ty. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đã đạt được cụ thể như sau:

a. Kết quả sản xuất kinh doanh một số chỉ tiêu cơ bản

ĐVT: Tỷ

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % so với KH
1	Giá trị hợp đồng	Tỷ	424	444,07	104,7%
2	Tổng doanh thu	Tỷ	245	265,29	108,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	7,5	8,65	115,3%
4	Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu	%	3,1%	3,3%	106,5%
5	Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu	%	25,5%	29,4%	115,3%
6	Chia cổ tức	%	10 – 12%	15%	125,0%

b. Giá trị hợp đồng ký được theo lĩnh vực tư vấn xây dựng

STT	Nội dung	Giá trị HĐKT (tỷ)	Tỷ trọng (%)
1	Thiết kế quy hoạch	72,76	16,38
2	Thiết kế Công trình	174,49	39,29
3	Quản lý dự án, giám sát	118,49	26,68
4	Lập dự án đầu tư	27,92	6,29
5	Khoan KS địa chất	9,00	2,03
6	Thăm tra, kiểm định	37,240	8,39
7	Đo đạc địa hình	2,82	0,63
8	Đấu thầu	0,13	0,03
9	Khác	1,22	0,28
Tổng cộng		444,07	100

Trong năm 2020, tổng giá trị hợp đồng ký được đạt là: 560 HĐKT. Giá trị hợp đồng ký kết là 444,07 tỷ đồng so với kế hoạch đạt 104,7%. Công tác tư vấn thiết kế chiếm **55,67%** giá trị sản xuất.

Một số hợp đồng kinh tế lớn tiêu biểu năm 2020:

Hợp đồng Tư vấn QLDA, tư vấn giám sát, lập dự toán và tư vấn đấu thầu công trình cao ốc văn phòng Etown 6 có giá trị 17,45 tỷ. Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật biện pháp xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công công trình khu vực 1, khu đô thị Bến Cảng Cao Cấp Ao Tiên, Vân Đồn, Quảng Ninh có giá trị 18,7 tỷ đồng

2. Công tác tổ chức cán bộ

Mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty hiện nay có **23** đơn vị. Trong đó có 08 Xí nghiệp, 08 Trung tâm, 03 Chi nhánh và 04 Phòng chức năng.

a. Nguồn nhân lực lao động trong biên chế công ty năm 2020

- + Tổng số CBCNV- NLĐ: **417 người** (Nam là 301 và Nữ là 116 người)
- + Tổng số lao động tăng : 58 người
- + Tổng số lao động giảm : 49 người
- + Lao động không xác định thời hạn là : 302 người chiếm 72 %
- + Lao động xác định thời hạn là : 115 người chiếm 28 %
- + Phân theo trình độ chuyên môn nghề nghiệp
 - Thạc sỹ : 83 người chiếm 20 %
 - Đại học : 281 người chiếm 67 %
 - Cao đẳng, trung cấp : 28 người chiếm 7%
 - Công nhân, lao động khác : 25 người chiếm 6 %
- + Phân theo ngành nghề
 - Kiến trúc sư : 93 người chiếm 22.3 %
 - Kỹ sư xây dựng : 178 người chiếm 42.7%
 - Kỹ sư MEP (Điện, Điện lạnh, Nước, Thông gió, Phòng cháy chữa cháy): 32 người chiếm 7.7 %
 - Kỹ sư, Cử nhân khác : 61 người chiếm 14.6%
 - KTV, công nhân, lao động phổ thông : 53 người chiếm 12.7%

b. Công tác đào tạo nguồn nhân lực công ty

- Trong năm 2020 có 22 cán bộ hoàn tất chương trình Thạc sỹ, nâng tổng số thạc sỹ Công ty thành 83 người.
- Công ty đã liên kết với Cục Công tác phía nam tổ chức Lớp tập huấn Luật Xây dựng QCVN 04.2019; 06.2020 Cho CB – CNV.
- Công ty đã cử CB – CNV tham gia các khóa học đào tạo về “Đấu thầu cơ bản về lựa chọn nhà thầu”, lớp tập huấn về “Luật Doanh nghiệp sửa đổi”.
- Liên kết với Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam tổ chức “Sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III cho đội ngũ Kiến trúc sư, Kỹ sư của Công ty.
- Tổ chức tập huấn ứng dụng phần mềm quản lý Base cho CBCNV công ty.
- Tổ chức, tham gia các chương trình hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ.

c. Công tác bổ nhiệm cán bộ năm 2020

Xem xét quy hoạch bổ sung và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các đơn vị, phòng chức năng cụ thể như sau:

- Lập danh sách quy hoạch cán bộ 2020 -2025
- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc đơn vị: 02 người (ông Võ Công Tuấn và Bà Ngô Thị Hương Ly);
- Bổ nhiệm quyền Giám đốc đơn vị thời hạn 12 tháng: 01 người (ông Võ Công Hoàn);
- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc đơn vị: 05 người (các ông Đoàn Đình Trường, Nguyễn Văn Quang, Lê Nguyễn Minh Chiêu, Nguyễn Hạ Thái Hòa, Nguyễn Phan Trọng Khôi) ;

3. Công tác điều hành

- Các thành viên trong Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, thể hiện trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh lãnh đạo. Ban điều hành đã chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp cần thiết về cơ cấu tổ chức, nhân sự, tài chính...phù hợp với tình hình hoạt động của công ty. Ban điều hành thực hiện họp giao ban hàng tuần, tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giảm nguồn nhân lực, tiết giảm chi phí. Thường xuyên kiểm tra, ban hành kịp thời công văn chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác tổ chức quản lý điều hành SXKD tại đơn vị. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy trình thiết kế, quản lý dự án, tư vấn giám sát... áp dụng thống nhất trong toàn công ty để đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra về thiết kế, thẩm tra thiết kế, dự toán...

4. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Công ty, kho Nguyễn Du.
- Mua sắm mới và gia hạn bản quyền các phần mềm Kết cấu, Kiến trúc, MEP và Quản lý doanh nghiệp.
- Mua sắm 01 xe ô tô mới phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm Quy hoạch Phát triển Đô thị.
- Đầu tư hệ thống email với tên miền doanh nghiệp @nagecco.com.
- Đầu tư phần mềm quản lý doanh nghiệp BASE.
- Đầu tư hệ thống đỗ xe tự động tăng số chỗ đỗ xe ô tô.

5. Công tác tài chính của Công ty:

- Hoàn thành công tác lập báo cáo tài chính trong năm, tổ chức kiểm toán độc lập đúng tiến độ kịp thời cho ban lãnh đạo công ty và đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Hoàn thành công tác thanh kiểm tra thuế năm 2017- 2018 - 2019.
- Thu xếp đảm bảo tốt nguồn vốn phục vụ các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, kể cả chi trả cổ tức cho cổ đông và các nghĩa vụ về nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm nghề nghiệp, kinh phí, lệ phí... cho các cơ quan chức năng của Nhà nước.
- Tình hình tài chính năm 2020 của Công ty lành mạnh và an toàn. Trong năm công ty không có vay bất cứ một khoản tín dụng nào. Số nợ phải trả chủ yếu là số tiền tạm ứng của khách hàng cho các công việc đang thực hiện dở dang.

6. Các hoạt động khác:

- Quảng bá thương hiệu Nagecco qua các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.
- Khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hỗ trợ về điều kiện vật chất để Đảng ủy Công ty tổ chức Đại hội Đảng bộ cơ sở Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp nhiệm kỳ 2020 – 2025 thành công tốt đẹp. Ngoài ra, Công ty cũng tạo điều kiện để các đối tượng đoàn viên ưu tú được tham gia lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng tại Đảng ủy khối Bộ Xây dựng.
- Tạo điều kiện thuận lợi để Ban chấp hành Công đoàn bộ phận Công ty tổ chức thành công Đại hội Công đoàn bộ phận.
- Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội hưu trí, Hội cựu chiến binh...
- Trao học bổng cho sinh viên trường Đại học Kiến trúc.
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà tình nghĩa.

II. Xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2021:

1. Xây dựng kế hoạch năm 2021

Hiện nay, các dự án bị tạm dừng do Thành phố rà soát lại các thủ tục pháp lý, nguồn vốn vay cho đầu tư bất động sản bị siết chặt; Tình hình dịch bệnh Covid - 19 đang diễn biến phức tạp, gây ra những gián đoạn kinh tế theo diện rộng; thị trường bất động sản đang ở thời kỳ suy thoái gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành tư vấn xây dựng. Bên cạnh đó tình hình kinh doanh cho thuê văn phòng của công ty PDD hết sức khó khăn do ảnh hưởng từ dịch Covid - 19, khách hàng trả diện tích thuê hoặc yêu cầu giảm giá thuê (từ 30% đến 50% giá thuê hiện tại), do đó lợi nhuận từ PDD sẽ giảm nhiều trong năm 2021. Tiền thuê nhà tăng gần 25% so với năm 2020. Trước tình hình khó khăn đó Ban điều hành Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
1. Giá trị sản xuất	Tỷ	303,0
2. Tổng doanh thu	Tỷ	265,3
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	7,5
4. Chia cổ tức	%	12-15%

(Lợi nhuận dự kiến giảm do tiền thuê văn phòng 2021 đã tăng 25% so với 2020, lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm, lợi nhuận từ PDD giảm)

2. Các biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2021:

- Giữ vững uy tín thương hiệu Nagecco bằng việc thực hiện tốt các hợp đồng đã ký, đảm bảo chất lượng, tiến độ đã cam kết với chủ đầu tư, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp trong sáng. Có cơ chế chính sách linh hoạt với khách hàng để thu hút công việc và tạo niềm tin đối với khách hàng truyền thống trong và ngoài nước.
- Chú trọng xây dựng môi trường làm việc hòa đồng, thân thiện và có thu nhập thỏa đáng; Xây dựng chính sách khuyến khích thu hút, giữ chân cán bộ lãnh đạo quản lý và cán bộ chuyên môn kỹ thuật giỏi ở lại làm việc tại Nagecco.
- Tăng cường quảng cáo hình ảnh công ty qua mạng xã hội, internet, các hình ảnh quảng cáo tại công trường...
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc nguồn nhân lực nhằm phát huy tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng cường quản lý và giám sát việc tuyển dụng, sử dụng CBCNV – NLĐ một cách hợp lý, điều chuyển người lao động sang các đơn vị chuyên ngành phù hợp hoặc từ nơi thừa sang nơi thiếu, cho nghỉ việc những người làm việc kém hiệu quả.
- Tổ chức đào tạo lớp Giám đốc điều hành cho Ban lãnh đạo công ty và các đơn vị. Tổ chức, tham gia các chương trình hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ. Tổ chức các lớp đào tạo về chuyên môn, pháp lý cho TVGS, QLDA. Tổ chức các lớp kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên.
- Chủ động kiểm tra, kiểm soát thực hiện tốt công tác thanh quyết toán cho các đơn vị theo đúng các quy định của Pháp luật và quy chế của Công ty, thực hiện Công tác báo cáo tài chính định kỳ theo quy định. Tiếp tục tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý cũng như kiểm tra thu hồi công nợ cũ và công nợ mới phát sinh của khách hàng.
- Gia hạn bản quyền phần mềm phục vụ sản xuất kinh doanh. Sắp xếp, bố trí phòng hội trường; Cải tạo, sửa chữa, tăng diện tích văn phòng các tầng. Mua sắm tài sản tại các đơn vị trực thuộc.
- Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu (database) để lưu trữ điện tử hồ sơ tư vấn.
- Phát huy dân chủ cơ sở, tăng cường sự đoàn kết thống nhất, tạo điều kiện cho tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh... hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tổng Công ty “đề báo cáo”
- Thành viên HĐQT, BKS
- Lưu HCNS

ĐẶNG NGUYỄN AN

Số:...../2021/BC-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1. Tình hình nhân sự HĐQT và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông

a. Nhân sự Hội đồng quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2017 – 2022) gồm có 05 thành viên:

- Ông: Phạm Khánh Toàn - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
- Ông: Đặng Nguyên Ân - Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty
- Bà: Nguyễn Thị Tố Trinh - Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc VNCC
- Ông: Nguyễn Văn Vinh - Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Ông: Nguyễn Minh Hồng - Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty

b. Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Năm 2020 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức thực hiện tốt các hoạt động nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo đúng các quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và các quy định khác của Pháp luật. Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2020. Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt các nhiệm vụ chính sau đây:

+ Tập trung nghiên cứu các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, làm tốt công tác chuẩn bị về mọi mặt phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 bao gồm: Báo cáo của HĐQT, của Ban điều hành, Báo cáo tài chính 2020 và các tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông.

+ Tiếp tục chỉ đạo, giám sát ban điều hành thực hiện tốt công tác tái cấu trúc mô hình tổ chức, công tác tuyển dụng, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật giỏi, tinh thông về nghề nghiệp ở các đơn vị, phòng chức năng, nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh; Đồng thời đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện các quy trình về thiết kế, quy hoạch, quản lý kỹ thuật, quản lý dự án, tư vấn giám sát, quản lý sản phẩm đầu ra đưa vào áp dụng chung toàn công ty, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

+ Tăng cường công tác quản trị, kiểm tra, kiểm soát và hỗ trợ các đơn vị tìm kiếm việc làm và tổ chức thực hiện tốt các hợp đồng đã ký kết, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Năm 2020 mặc dù còn khó khăn do dịch bệnh Covid – 19 kéo dài, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong công ty không đồng đều, một số đơn vị còn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn việc nhưng được sự ủng hộ của các cơ quan quản lý, các chủ đầu tư và sự phấn đấu nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban lãnh đạo các đơn vị, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Công ty luôn giữ được sự đoàn kết thống nhất ở các cấp lãnh đạo đến các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, hoạt động ổn định bền vững về mọi mặt, tạo tiền đề tốt cho việc mở rộng thị trường, thị phần, thu hút ngày càng nhiều nguồn việc trên khắp cả nước.

Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % so với KH
1	Giá trị sản xuất	Tỷ	424	444,07	104,7%
2	Tổng doanh thu	Tỷ	245	265,29	108,3%
3	Lợi nhuận	Tỷ	7,5	8,65	115,3%
4	Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu	%	3,1%	3,3%	106,5%
5	Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu	%	25,5%	29,4%	115,3%
6	Chia cổ tức	%	10 – 12%	15%	125,0%

2. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 phê duyệt; hoạt động theo đúng các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty.

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp 04 phiên. Việc triệu tập và tham gia cuộc họp của các thành viên HĐQT thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức Hoạt động, Quy chế làm việc của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty, cụ thể như sau:

- Thông qua nội dung chương trình ĐHĐCĐ năm 2020 (bao gồm các báo cáo, tờ trình xin ý kiến ĐHĐCĐ và chương trình nghị sự Đại hội) cùng với một số nội dung liên quan
- Thông qua các Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng, 9 tháng, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch, giải pháp thực hiện nhiệm vụ.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

- Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2020.
- HĐQT thống nhất chủ trương:
 - + Bổ nhiệm Quyền Giám đốc Trung tâm quản lý dự án và giám sát thi công, Phòng Quản lý kỹ thuật, Xí nghiệp Xây dựng Dân dụng và công nghiệp.
 - + Bổ nhiệm lại Giám đốc Trung tâm Kiến trúc 1, Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 6, Trung tâm MEP, Trung tâm Khoa học công nghệ và Kỹ thuật Xây dựng, Trung tâm Khảo sát thiết kế và Xây dựng nền móng,

II. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty:

1. Tổng Giám đốc Công ty tổ chức triển khai và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ Công ty; Tuân thủ chặt chẽ nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định khác của HĐQT Công ty.
2. Với kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2020, Ban điều hành Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đề ra, lợi ích của doanh nghiệp, người lao động và quý cổ đông được đảm bảo và gia tăng cùng với kết quả sản xuất kinh doanh .
3. Căn cứ theo các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế, Ban điều hành đã chủ động nghiên cứu, soạn thảo các Quy chế điều chỉnh hoạt động SXKD của Công ty trình HĐQT thảo luận, thông qua.
4. Ban điều hành chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật, chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong năm Công ty có thêm 22 cán bộ tốt nghiệp Thạc sĩ. Lực lượng nhân sự ngày càng trưởng thành và đảm nhiệm những công việc lớn về quy mô và phức tạp về kỹ thuật.
5. Duy trì tốt niềm tin của khách hàng, chủ đầu tư, Nagecco tiếp tục thể hiện uy tín của thương hiệu dựa trên những sản phẩm thiết kế thi tuyển đạt chất lượng cao, sự tham gia của Nagecco tại mỗi dự án đều mang lại sự an tâm cho chủ đầu tư đây chính là niềm tự hào lớn mà Nagecco xây dựng được trong quá trình hình thành và phát triển.
6. Công tác quản trị doanh nghiệp của ban điều hành được đánh giá tốt do có nhiều sáng kiến, giải pháp trong quản lý điều hành doanh nghiệp. Ban điều hành đang từng bước xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý tốt rủi ro về các mặt như: tài chính, pháp lý, nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức, chất lượng sản phẩm, khách hàng, cổ phần cổ phiếu và thanh tra kiểm tra của các cơ quan nhà nước, nhằm tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh giữ được lợi nhuận ổn định.
7. Với tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, các thành viên ban điều hành đã thực hiện đúng mục tiêu chiến lược của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng

Quản trị đề ra. Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, phát huy thế mạnh truyền thống của từng đơn vị trực thuộc, nhằm đẩy mạnh doanh thu và lợi nhuận hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch năm.

8. Để đạt hiệu quả trên là do có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban điều hành Công ty trong công việc chỉ đạo và điều hành, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định công khai minh bạch, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021

Từ kết quả của hoạt động SXKD đã đạt được năm 2020 và những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD năm 2021 của Công ty, Hội đồng Quản trị đề ra các kế hoạch, định hướng cho năm 2021 như sau:

1. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các quy chế, quy định khác của công ty nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình vận hành doanh nghiệp đem lại hiệu quả cao trong công tác quản trị.
2. Thực hiện bổ sung ngành nghề, điều chỉnh tên bằng tiếng Anh của Công ty phù hợp với Điều lệ.
3. Nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn xây dựng thông qua việc đầu tư đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao kết hợp với đầu tư trang thiết bị, phần mềm công nghệ tiên tiến.
4. Nghiên cứu xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro về các mặt như: tài chính, pháp lý, nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức, chất lượng sản phẩm, khách hàng, cổ phần cổ phiếu và thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước, nhằm hạn chế tối đa rủi ro và tiết giảm chi phí chung trong sản xuất kinh doanh.
5. Tăng cường cải tiến đổi mới, tiếp tục cung cấp những sản phẩm công trình có chất lượng cao, có giá trị vượt trội với chi phí hợp lý; Đồng thời phát huy tối đa các nguồn lực, gia tăng hiệu quả kinh doanh, tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, mang lại lợi ích tốt nhất cho doanh nghiệp, cổ đông và người lao động.
6. Hội đồng quản trị tiếp tục duy trì tốt các hoạt động của mình và phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, Ban điều hành trong công tác quản trị Công ty; Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt công việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh với mục tiêu đạt hiệu quả cao nhất.

Kết luận chung:

Năm 2021 sẽ còn gặp nhiều khó khăn khi tình hình dịch bệnh Covid – 19 mặc dù đã được kiểm soát nhưng vẫn chưa chấm dứt. Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề cũng khốc liệt hơn. Nhưng bằng tinh thần trách nhiệm

trước quý vị cổ đông. HĐQT Công ty tiếp tục tập trung sức lực, trí tuệ trong chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát và cùng ban điều hành phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và các nội dung ủy quyền mà ĐHĐCĐ sẽ biểu quyết thông qua. Hội đồng quản trị mong tiếp tục nhận được sự đồng tình ủng hộ của quý vị cổ đông và tập thể cán bộ công nhân viên công ty để hoàn thành tốt trọng trách mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 giao cho.

Kính chúc tất cả quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt và luôn đồng hành cùng sự phát triển của Công ty Nagecco.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Tổng Công ty “đề báo cáo”
- Thành viên HĐQT, BKS
- Lưu.

Phạm Khánh Toàn

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp, quy định về quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Thực hiện Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ ngày 03 / đến ngày 05/3/2021, tại Văn phòng Công ty, Ban Kiểm soát chúng tôi cùng các thành viên phòng tài chính kế toán và Kế toán, Giám đốc Xí nghiệp đã thực hiện kiểm soát tình hình hoạt động của các đơn vị nội bộ trong Công ty với một số nội dung chủ yếu như: Doanh thu, chi phí SXKD, chi phí dở dang, chi phí quản lý, TSCĐ, công cụ dụng cụ SX; góp vốn ra ngoài công ty, Xác định kết quả SX kinh doanh và các khoản công nợ phải thu, phải trả khách hàng..vv

Đánh giá chung: Năm 2020 Công ty duy trì và phát huy được vai trò chủ đạo về công tác tư vấn xây dựng trên thị trường, ngoài việc thực hiện các hợp đồng dở dang còn lại của năm 2019 chuyển qua còn ký mới nhiều hợp đồng có giá trị lớn không những hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra mà còn khối lượng của một số hợp đồng gói đầu chuyển sang 2021 thực hiện tiếp, các khoản thu nộp ngân sách, lợi nhuận đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Trong quá trình thực hiện, Công ty đã chủ động từng bước đổi mới về mô hình quản lý, thay đổi cách quản trị, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, áp dụng công nghệ mới, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.. vv, các phòng chức năng nghiệp vụ đã thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Quy chế và các quy định của công ty.

A/- Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của công ty một cách độc lập, trong năm Ban kiểm soát chưa nhận được đơn thư hay yêu cầu kiểm tra của cổ đông hay đại diện của một nhóm cổ đông nào.

Năm 2020 Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý. Xem xét tính phù hợp của các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Tổng giám đốc ban hành .

Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ .

Kiểm tra các chứng từ, sổ sách kế toán và các tài liệu khác có liên quan đến hoạt động của Công ty về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; Kiểm soát sự tuân thủ các chế độ, chính sách của Nhà nước hiện hành.

Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2020; Trên cơ sở báo cáo tài chính do đơn vị cung cấp và kết quả kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Kiểm Toán & Dịch Vụ Tin Học TP.HCM; ý kiến phản hồi của Tổng giám đốc Công ty.

Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập, trao đổi với Tổng giám đốc về các ý kiến phản hồi để cùng hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm soát báo cáo tài chính năm 2020.

B/- Kết quả giám sát tình hình hoạt SXKD và tài chính Công ty

I. Công tác quản lý và điều hành

1.Tình hình hoạt động của HĐQT công ty: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và cùng phối hợp với Tổng giám đốc thường xuyên trong quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tiến hành lịch họp đúng định kỳ, ngoài ra còn có những cuộc họp bất thường khi cần thiết, các cuộc họp thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Điều lệ Công ty, kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của Nghị quyết, đề ra phương hướng nhiệm vụ trọng tâm..vv . Nghị quyết của HĐQT được Ban hành theo đúng chức năng, quyền hạn và phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, tuân thủ Luật doanh nghiệp cũng như các Quy định của Pháp luật.

2.Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban điều hành.

Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai và thực hiện quản lý, điều hành hoạt động đúng chức năng và quyền hạn theo Điều lệ Công ty quy định, tuân thủ thực hiện nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị thường kỳ. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện theo nhiệm vụ được phân công, phân cấp, thường xuyên kiểm tra, giám sát mức độ hoàn thành công việc của bộ máy giúp việc trong công tác quản lý, quản trị của công ty.Hàng tuần có kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ SXKD có gì thuận lợi, khó khăn để đưa ra hướng giải quyết, xử lý kịp thời cho các đơn vị.

Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình, nhằm tạo ra phong trào thi đua lao động sản xuất sôi nổi trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và cổ đông: Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty làm việc hoàn toàn độc lập, đồng thời thường xuyên phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện, chỉ đạo các phòng ban nghiệp vụ phối hợp với các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng từ có liên quan phục vụ cho công tác

kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Sau khi có kết quả kiểm soát, Ban kiểm soát đã thông báo kịp thời kết quả hoạt động và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty theo quy định. Đồng thời cũng tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên.

***Công tác tổ chức nhân sự và thực hiện chế độ với người lao động**

Công tác điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo chủ chốt các đơn vị được thực hiện đúng tiêu chuẩn, điều kiện trong quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm và luân chuyển cán bộ các cấp của Công ty đều thực hiện đúng Quy chế.

Thực hiện công tác sắp xếp lại bộ máy quản lý: Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức và nguồn lực lao động theo nguyên tắc đảm bảo tập trung vào những lĩnh vực chủ yếu, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thế mạnh từng đơn vị đảm bảo tinh gọn đạt hiệu quả cao.

***Thực hiện chế độ chính sách với người lao động**

Công ty đã thực hiện nghiêm túc đầy đủ các quyền lợi cho người lao động như: Chi tiền lương, tiền thưởng, đóng BHXH, BHYT và các quyền lợi chính đáng hợp pháp khác có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời theo các quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành về lao động.

C/ Tình hình Tài chính: Qua kiểm tra xem xét tính hợp pháp, hợp lý của chứng từ, sổ sách kế toán và số liệu báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 của Công ty và báo cáo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch Vụ Tin Học TP.HCM. Ban Kiểm soát thống nhất, chấp thuận số liệu báo cáo tài chính năm 2020 cụ thể sau:

Một số chỉ tiêu tài chính đến thời điểm 31/12/2020

Vốn Điều lệ: 28.350.000.000 đồng (Hai mươi tám tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng)

Trong đó: + Cổ phần Tổng công ty VNCC 48,57% : 13,770 tỷ đồng
+ Cổ phần phổ thông 51,43% : 14,580 tỷ đồng

Danh mục đầu tư tài chính của Công ty gồm: 06 mã cổ phiếu (ĐVT: đồng)

TT	Mã CK	Đầu kỳ		Giảm		Cuối kỳ	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	STB	1.012	23.766.000	1010	23.715.914	2	50.086
2	SSI	10.560	752.000.000	10.551	751.359.091	9	640.909
3	SJS	14.375	1.462.100.000	14.370	1.461.551.160	5	548.840
4	REE	34.155	1.658.571.500	34.150	1.658.292.279	5	279.221
5	Investco	480.739	4.999.052.411			480.739	4.999.052.411
6	Lilama land	37.500	375.000.000			37.500	375.000.000
	Cộng	578.341	9.270.489.911	60.081	3.894.918.444	518.260	5.375.571.467

- Giá trị đầu tư tại thời điểm 31/12/2020 là: 5.375.571.467 đồng
- Giá thực tế tại sàn GD chứng khoán: 375.717.200 đồng
- Chênh lệch giữa giá trị ĐT/ giá thực tế là: 4.999.854.267 đồng
- Giá trị đã trích dự phòng là: 4.999.854.267 đồng
- Khoản đầu tư Cổ phiếu đã được Công ty trích dự phòng đầy đủ.

Giá trị tài sản doanh nghiệp theo báo cáo tài chính đến thời điểm 31/12/2020 đã được kiểm toán như sau:

1. Bảng cân đối kế toán

TT	Diễn giải	Số cuối kỳ 31.12.2020	Số đầu kỳ 01.01.2020
	TÀI SẢN		
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	118.674.646.659	131.618.867.235
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	22.701.506.072	29.519.550.026
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	28.375.717.200	23.865.237.545
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	44.469.004.893	39.748.434.682
IV	Hàng tồn kho	22.533.768.720	38.149.730.788
V	Tài sản ngắn hạn khác	594.649.774	335.914.194
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	22.231.622.429	23.389.389.032
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II	Tài sản cố định	5.363.651.726	6.159.790.338
III	Bất động sản đầu tư	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	777.462.000	229.891.600
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.494.105.280	15.152.105.280
VI	Tài sản dài hạn khác	1.596.403.423	1.847.601.814
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	140.906.269.088	155.008.256.267
	NGUỒN VỐN		
C	NỢ PHẢI TRẢ	103.788.163.620	123.290.533.641
I	Nợ ngắn hạn	103.475.928.047	123.007.071.814
II	Nợ dài hạn	312.235.573	283.461.827
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	37.118.105.468	31.717.722.626
I	Vốn chủ sở hữu	37.118.105.468	31.717.722.626
1	Vốn góp của chủ sở hữu	28.350.000.000	28.350.000.000
2	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	1.099.722.626	1.099.722.626
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.668.382.842	2.268.000.000
II	Nguồn kinh phí	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	140.906.269.088	155.008.256.267

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Chỉ tiêu	Theo kế hoạch	Số thực hiện	Tỷ lệ % so KH
Tổng Doanh thu và TNK: - Doanh thu cung cấp dịch vụ - Doanh thu hoạt động Tài chính - Thu nhập khác	245.000.000.000	265.296.488.913 260.559.236.925 4.628.978.761 108.273.227	108,3%
Tổng Chi phí : - Giá vốn hàng bán - Chi phí quản lý DN - Chi phí tài chính - Chi phí khác		256.639.158.348 231.004.601.892 25.886.788.137 -495.438.538 243.206.857	
Lợi nhuận trước thuế - Thuế TNDN - Lợi nhuận sau thuế Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DT thuần	7.500.000.000	8.657.330.565 1.209.669.422 7.447.661.143 26,2% 23,4% 2,8%	115,3%

1. Công tác Tài chính - Kế toán

- Các báo cáo tài chính của công ty được trình bày đúng theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của BTC về việc hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp.
- Sổ sách, chứng từ kế toán: Sổ sách đầy đủ, ghi chép rõ ràng, số liệu báo cáo tài chính phản ánh trung thực.
- Công tác hạch toán kế toán: Thực hiện đúng các quy định và các chuẩn mực kế toán hiện hành.

2. Chế độ báo cáo:

Công ty đã chấp hành tốt Quy định về chế độ báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, báo cáo Đại hội các báo cáo đã được công bố kịp thời, đầy đủ trên website công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông và các nhà đầu tư.

Qua xem xét tình hình hoạt động và số liệu báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, Ban kiểm soát có một số kiến nghị và phương hướng nhiệm vụ cụ thể :

1. Tiếp tục, nghiên cứu sắp xếp lại bộ máy tinh gọn, hiệu quả phù hợp với nhu cầu thực tế nhằm phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của thị trường.
2. Phòng Kinh tế Tài chính, Phòng kỹ thuật, Phòng kế hoạch đầu tư và các đơn vị phải thường xuyên rà soát công tác quản lý doanh thu và chi phí các công trình và hạng mục công trình, đặc biệt những công trình tồn đọng lâu năm chưa giải quyết dứt điểm; Xác

nhận, đối chiếu đầy đủ các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả đúng theo từng đối tượng, để có biện pháp thu hồi và đề xuất phương án xử lý các khoản nợ khó đòi mất khả năng thu hồi, những khoản chi phí không còn nguồn thu, tỷ lệ xác nhận công nợ cao hơn nữa ..vv.

3. Công tác kiểm kê cuối năm: Hội đồng kiểm kê cần xem xét kỹ và đề xuất xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi để quá lâu không có khả năng thu hồi, các khoản chi phí dở dang không còn nguồn thu và công cụ dụng cụ đã hư hỏng ...vv

4. Lập báo cáo tài chính định kỳ đúng thời gian quy định, làm cơ sở cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành xây dựng kế hoạch Sản xuất kinh doanh sát với thực tế, quản lý quản trị công ty một cách có hiệu quả.

5. Lập báo cáo quản trị và công bố thông tin đầy đủ kịp thời theo quy định Pháp luật về chứng khoán nhằm đảm bảo tính công khai minh bạch giúp cổ đông cũng như nhà đầu tư nắm rõ tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

D/- Phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2021.

1.Chủ động, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện, chấp hành chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định đã được Hội đồng quản trị thống nhất ban hành;

2.Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ, kịp thời phản ánh tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và có ý kiến đề xuất biện pháp xử lý với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Trên đây là toàn bộ nội dung kiểm soát tình hình hoạt động và các số liệu báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Ban kiểm soát xin báo cáo Hội đồng quản trị và Kính trình Đại hội.

TM BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

Nguyễn Thị Kim Dung

Số: /2021/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.
- Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020, cụ thể như sau:

DVT: đồng

STT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền
I	Lợi nhuận trước thuế		8.657.330.565
II	Lợi nhuận sau thuế		7.447.661.143
	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước		341.321.699
III	Phân phối lợi nhuận sau thuế	100%	7.788.982.842
1	Thù lao HĐQT & BKS (không tham gia SXKD)	2,25%	175.227.000
2	Cổ tức bằng tiền mặt (15% vốn điều lệ) (*)	54,60%	4.252.500.000
3	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	5,00%	389.449.142
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	38,15%	2.971.806.700

(*) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án chi trả và lựa chọn thời gian chi trả cổ tức năm 2020 phù hợp với hoạt động của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM KHÁNH TOÀN

Số: /2021/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thù lao cho Hội đồng quản trị và
Ban kiểm soát đã chi năm 2020 và kế hoạch 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã chi năm 2020 và kế hoạch 2021 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
1	Tổng số các thành viên HĐQT & BKS	8 người	8 người	8 người
2	Thù lao HĐQT & BKS:	0,5% DT	0,5% DT	0,5% DT

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM KHÁNH TOÀN

Số: 02 /2021/TTr-BKS

TP.HCM, ngày tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 dựa trên những tiêu thức lựa chọn như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán

- Là công ty kiểm toán được Bộ Tài Chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán.
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.
- Có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị có ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh tương tự Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng Hợp.
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng Hợp về phạm vi và tiền độ kiểm toán.
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Đề xuất

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp lựa chọn Công ty kiểm toán (đáp ứng các tiêu thức nêu trên) để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

**T/M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

Nguyễn Thị Kim Dung

Số: /2021/TTr-HĐQT

TP.HCM, ngày tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động và
Quy chế Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng tổng hợp

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hội đồng Quản trị Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua việc Ban hành:

1. Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp;
2. Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp;
3. Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp;
4. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.

Kính trình.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

Phạm Khánh Toàn

Số: /2021/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán
của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của công ty đã được công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời được đăng tải trên Website Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp theo địa chỉ: www.nagecco.com. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

1. Tài sản - Nguồn vốn:

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ
I	TÀI SẢN	140.906.269.088
1	Tài sản ngắn hạn	118.674.646.659
2	Tài sản dài hạn	22.231.622.429
II	NGUỒN VỐN	140.906.269.088
1	Nợ phải trả	103.788.163.620
2	Vốn chủ sở hữu	37.118.105.468

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng Doanh thu	265.296.488.913
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.657.330.565
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	7.447.661.143

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Khánh Toàn

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP**

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số .../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- c. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán năm 2019;
- d. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người khác do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt;
- e. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;
- f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán 2019;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán 2019;
- h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

**CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI
DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY.**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: NATIONAL GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch gọi tắt: NAGECCO
- Logo Công ty:



2. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (sau đây gọi tắt là Công ty) là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: 29 Bis Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận I, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Điện thoại: (84) (028) 39100631/39100632/39100633/39100634 và (028) 38290148; (028).38224421
 - Fax: (028). 38299547
 - E-mail: info@nagecco.com
 - Website: www.nagecco.com
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo Pháp luật là Tổng Giám đốc công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo Pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo Pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo Pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn, tổng thầu tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, năng lượng điện và công trình kỹ thuật hạ tầng đến nhóm A, bao gồm: Lập, thẩm tra các dự án đầu tư; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị; Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn và giám sát khảo sát địa chất công trình; Thí nghiệm cơ học đất vật liệu xây dựng và kết cấu công trình xây dựng; Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1: 5000; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính các tỷ lệ; Khảo sát địa hình và đo đạc công trình; Khảo sát về môi sinh, môi trường, đánh giá tác động môi trường trước khi xây dựng công trình và sau khi đưa công trình vào khai thác sử dụng. Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Khoan thăm dò và khai thác nước ngầm phục vụ sản xuất, sinh hoạt; Thí nghiệm để cung cấp hoặc kiểm tra các thông số kỹ thuật phục vụ cho công tác thiết kế và kiểm định chất lượng công trình; Thiết kế quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể đô thị, nông thôn, khu công nghiệp và khu dân cư; Thiết kế chi tiết các khu chức năng đô thị, điểm dân cư tập

trung, hệ thống kết cấu hạ tầng và cây xanh; Thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 2 bước) hoặc thiết kế kỹ thuật thi công (công trình thiết kế 1 bước), thiết kế cấp thoát nước, hệ thống công trình kỹ thuật đô thị và xử lý môi trường; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; Lập tổng dự toán và dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, năng lượng điện, cấp thoát nước và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Lập đơn giá công trình cho các công trình được lập đơn giá riêng; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán các công trình; kiểm định chất lượng công trình xây dựng (kiểm định chất lượng: nền, móng, bê tông, cốt thép, vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng các công việc xây lắp, trang trí, hoàn thiện, lắp đặt thiết bị nội thất, điện, nước của từng bộ phận hoặc toàn bộ công trình); Thiết kế hệ thống cấp điện, điện lạnh, thông gió, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc công trình dân dụng công nghiệp và Giám sát công tác lắp đặt thiết bị hệ thống điện, điện lạnh, thông gió, thông tin liên lạc và hệ thống phòng cháy chữa cháy; Quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn giám sát kỹ thuật thi công xây dựng; Xác định, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình và các yếu tố có liên quan để lập các phương án gia cố, sửa chữa, cải tạo hoặc phá dỡ; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ) (xây dựng và hoàn thiện). Giám sát thi công công trình hạ tầng kỹ thuật (xây dựng và hoàn thiện). Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (lắp đặt phân điện và thiết bị công trình);

Cho thuê máy móc thiết bị, phương tiện.

- Đầu tư tài chính: Cổ phiếu, trái phiếu và các chứng chỉ có giá khác.
- Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35KV; Tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35KV.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, năng lượng điện và công trình kỹ thuật hạ tầng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; dịch vụ cho thuê Văn phòng.
- Tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực các ngành nghề kinh doanh của Công ty.
- Thiết kế kết cấu công trình cảng, đường thủy và công trình thủy lợi.
- Thiết kế công trình xử lý chất thải và giám sát công tác lắp đặt thiết bị, hệ thống xử lý nước công trình dân dụng công nghiệp
- Những ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có thể mở rộng sang những lĩnh vực kinh doanh khác được Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho công ty

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là mang lại lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông; huy động phát triển nguồn vốn; sử dụng vốn có hiệu quả nhất trong sản xuất kinh doanh; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty; làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 28.350.000.000 VNĐ (Hai mươi tám tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.835.000 cổ phần (Hai triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn cổ phần) với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (Mười ngàn đồng/cổ phần).
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo Pháp luật Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần phổ thông của công ty được tự do chuyển nhượng.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo

ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Cổ phiếu bị thu hồi khi vi phạm quy chế phát hành cổ phiếu hoặc không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP do Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Ban điều hành.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của Pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này;

Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác;

- d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
 4. Cung cấp chính xác họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức khi đăng ký mua cổ phần và thông báo cho công ty khi có thay đổi về các nội dung trên.
 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.
 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
 7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.
 - d. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;

- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật;
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định như sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

- c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - d. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - f. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; (nếu có)
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; (Giấy ủy quyền)
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 65% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

Thông báo về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc từ 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao

xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tất cả các vấn đề thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- f. Phương án bầu cử (nếu có);
 - g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo Pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
 - g. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số lượng cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối

về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
6. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;

- d. Quá trình công tác;
 - e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - h. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định Pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- c. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện

thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày quyết định bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị có hiệu lực.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và nghị quyết, biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên

bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể đồng thời là thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác làm Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

3. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
4. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định, xây dựng định mức, đơn giá, quỹ tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị có thể chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị tài liệu các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.
2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, Điều 171, Điều 173 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính,

các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Tiền lương hoặc thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
 - b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
 - c. Tiền lương hoặc thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung

đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và Pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba mươi lăm (35%) phần trăm tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

3. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
5. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, quy định, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
6. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, NGƯỜI LAO VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, người lao động và công đoàn

1. Tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tại Công ty hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp và Điều lệ của từng tổ chức phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành; Công ty tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn công ty đồng thời hỗ trợ cho mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc lập kế hoạch hàng năm để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
3. Tổng Giám đốc lập kế hoạch hàng năm để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính năm theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được đồng thời công bố trên website của Công ty.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài

chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định hình thức, số lượng và nội dung con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định Pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;
2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các

bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

4. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của văn bản Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty mà chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của văn bản Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của văn bản Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2021.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Nộp và đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định;
 - b. Lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM KHÁNH TOÀN

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp)*

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc
- 4. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 90% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của

Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại khoản 1, điều 5 Quy chế này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

- f. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- 2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương II: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường

hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.
 - d. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương III: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ít nhất 03 ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ

ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương IV: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc, tiền lương và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên

Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Các khoản chi phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị (bao gồm tiền thù lao và các khoản chi phí khác) được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh và thực hiện theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm. Chi phí thực tế được quyết toán vào Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương V: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VI : ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 7 chương 24 điều và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HĐQT, Tổng giám đốc, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai và thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẠM KHÁNH TOÀN

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Số: /2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Ban kiểm soát để bầu Trưởng ban kiểm soát và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau, thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Ban kiểm soát;

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Ủy quyền cho một kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;
- d. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chuẩn bị cho các cuộc họp Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát có liên quan đến nghĩa vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;
- f. Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm soát theo định kỳ hàng quý, hàng năm và tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch. Mỗi vụ việc kiểm tra phải được Trưởng ban kiểm soát hoặc ít nhất 2/3 số thành viên đồng ý mới được thực hiện. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát phải tuân thủ các quy định và quy trình kiểm soát;
- g. Lập Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất trình Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả của các kiến nghị. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động của Ban kiểm soát;
- h. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;
- i. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị;
- j. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
2. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được

công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể

từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác,

Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất, ít nhất 06 tháng một lần, Ban kiểm soát họp theo thông báo của Trưởng ban kiểm soát để trao đổi thông tin và phối hợp công việc nhằm thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát;

Ban kiểm soát phải triệu tập họp bất thường theo đề nghị của:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- Trưởng ban kiểm soát;
- Ít nhất hai (02) thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường, Trưởng ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành họp. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát tiến hành triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát để xử lý công việc.

3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá

tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mọi quan hệ với ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.
2. Ban kiểm soát và Ban điều hành hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình;
3. Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
4. Thông báo ngay cho Ban kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, sai phạm thất thoát về tài sản, hoặc các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.
5. Thủ trưởng đơn vị được kiểm tra, kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.

Điều 21. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị vào cùng thời điểm;

Ban kiểm soát tham gia cùng với đoàn công tác kiểm tra, kiểm soát khi Hội đồng quản trị yêu cầu;

Ban kiểm soát thông báo với Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ hoặc đột xuất sau khi kết thúc việc kiểm tra, kiểm soát;

Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị xem xét đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện của Công ty các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị;

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Kim Dung

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP

*(Kèm theo Nghị quyết số.../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về:

- a. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông công ty, Ban kiểm soát công ty, Hội đồng quản trị công ty, Tổng giám đốc công ty (sau đây gọi là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc);
 - b. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;
2. Các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông công ty là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

3. Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
6. Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
7. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
8. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
9. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
10. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
11. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
12. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
14. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.
3. Ban kiểm soát phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo Khoản điểm b, khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo Điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

3. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
4. Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
6. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
7. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 8. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.
2. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.
4. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Điều 10. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định như sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của Bộ Luật dân sự 2015 và nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Điều 11. Hiệu lực của phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp

1. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

2. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 12. Cách thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

Điều 13. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 65% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tất cả các vấn đề thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ các vấn đề sau đây:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

Điều 15. Bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết được phát một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
2. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua đối với các nội dung và điều kiện đáp ứng theo Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Điều 18. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số lượng cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
 6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 7. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Điều 19. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty

Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Các trường hợp được xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và không được xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Khoản 1, 2, 3 Điều 21 và Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 21. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Phương án bầu cử (nếu có);
 - g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo Pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, các thủ tục: Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông, điều kiện tiến hành, thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy chế của Công ty.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến trình tự, thủ tục thực hiện tương tự như hình thức hội nghị trực tuyến.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 27 Điều lệ Công ty; Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm quy định tại Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị công ty.

Điều 26. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty có nhiệm kỳ năm (5) năm; số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) người. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 12 và Điều 25 Điều lệ Công ty.
4. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế hoặc bầu bổ sung theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị công ty.
7. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế hoặc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật liên quan.
8. Hội đồng quản trị phải lựa chọn một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu làm Chủ tịch; Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày quyết định bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị có hiệu lực.

Điều 27. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quy định tại Điều 28 Điều lệ và quy chế Hội đồng quản trị công ty.

Điều 28. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị họp định kỳ và bất thường, trình tự và thủ tục họp được quy định chi tiết tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể đồng thời là thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị Công ty có tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Điều 32. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có số lượng Kiểm soát viên là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.
3. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm được thực hiện tương tự như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
4. Các thành viên Ban kiểm soát được nhận tiền lương, thù lao và các quyền lợi khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 39 Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Vai trò của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

6. Quyết định, xây dựng định mức, đơn giá, quỹ tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc;
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ với Ban kiểm soát:

1. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;
2. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) theo đúng quy định về công tác văn thư của Công ty;
3. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị tham dự và trả lời các vấn đề mà kiểm soát viên quan tâm.
3. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp cho Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng giám đốc biết để phối hợp công tác tổ chức thực hiện.
2. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi theo quy định của Công ty.
4. Tổng giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hợp đồng với những vấn đề khi cần xin ý kiến:
 - a. Theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc các dự án đầu tư lớn, phê duyệt các dự án lớn của Công ty;
 - b. Công tác bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc (khi cần);
 - c. Trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) xảy ra đối với Công ty;
 - d. Trường hợp trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị mà Tổng Giám đốc nhận thấy khó khăn hoặc không thể thực hiện được trên thực tế hoặc trong trường hợp Tổng Giám đốc nhận thấy rằng việc thực hiện các nghị quyết, quyết định này là không có lợi cho Công ty hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật áp dụng.

Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà kiểm soát viên quan tâm.

2. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp cho Hội đồng quản trị trong công tác quản trị, điều hành Công ty.
3. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở gây gián đoạn hoạt động bình thường của Công ty.
4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 41. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Khi phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị theo định kỳ 6 tháng, năm trong các kỳ sơ kết, tổng kết hoặc khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 42. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Trường hợp Tổng giám đốc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị chưa đạt yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc chưa phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị tổ chức kiểm điểm đối với Tổng giám đốc để định hướng lại mục tiêu và phương hướng thực hiện nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị

Điều 43. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Báo cáo định kỳ: Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các cuộc họp giao ban của Công ty.
2. Báo cáo theo yêu cầu: Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo hoặc cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo nội dung được yêu cầu vào từng thời điểm cụ thể.
3. Các giao dịch mà Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
4. Cách thức báo cáo, thông báo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị; Báo cáo bằng văn bản. Trường

hợp báo cáo bằng văn bản, thời hạn báo cáo, thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hoạt động chung.
2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công ty) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.
3. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết về rủi ro này.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi bộ phận, tổ chức.

Điều 45. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác

1. Khen thưởng:
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật, Quy chế của Công ty.
 - b. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật.
2. Kỷ luật:
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật và bồi thường theo quy định.

- b. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc quản lý.
- c. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Công ty.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được Được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2021 bao gồm 7 chương 46 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM KHÁNH TOÀN

PHIẾU BIỂU QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

MÃ CỔ ĐÔNG:

ĐẠI BIỂU :
CỔ PHẦN SỞ HỮU : cổ phần
CỔ PHẦN NHẬN ỦY QUYỀN : cổ phần
CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT : cổ phần

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
01. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban Điều Hành.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
02. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
03. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
04. Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty sau kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
05. Phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
06. Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020, kế hoạch năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
07. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
08. Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
09. Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10. Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11. Ban hành Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Đại biểu biểu quyết bằng cách **CHỌN MỘT** trong các phương án : **Tán thành; Không tán thành; Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày 26 tháng 04 năm 2021
CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Số: /2021/NQ - ĐHĐCĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP

- Căn cứ Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp;

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp đã tiến hành thảo luận, biểu quyết thông qua và quyết nghị như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Giá trị hợp đồng	: 444,07 tỷ đồng.
Tổng Doanh thu	: 265,29 tỷ đồng.
Lợi nhuận trước thuế	: 8,65 tỷ đồng.
Chia cổ tức	: 15%.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Giá trị sản xuất	: 303 tỷ đồng.
Tổng Doanh thu	: 265,30 tỷ đồng.
Lợi nhuận trước thuế	: 7,50 tỷ đồng.
Chia cổ tức	: 12-15%.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021. Một số nội dung cụ thể như sau:

Hội đồng quản trị thực hiện bổ sung ngành nghề và điều chỉnh tên bằng tiếng Anh của Công ty phù hợp với Điều lệ.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 sau kiểm toán.

Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020.

STT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
I	Lợi nhuận trước thuế		8.657.330.565
II	Lợi nhuận sau thuế		7.447.661.143
	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước		341.321.699
III	Phân phối lợi nhuận sau thuế	100%	7.788.982.842
1	Thù lao HĐQT & BKS (không tham gia SXKD)	2,25%	175.227.000
2	Cổ tức bằng tiền mặt (15% vốn điều lệ) (*)	54,60%	4.252.500.000
3	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	5,00%	389.449.142
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	38,15%	2.971.806.700

Điều 6 : Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
1	Tổng số các thành viên HĐQT & BKS	8 người	8 người	8 người
2	Thù lao HĐQT & BKS:	0,5% DT	0,5% DT	0,5% DT

Điều 7: Thông qua nội dung uỷ quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Điều 8: Thông qua nội dung Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.

Điều 9: Thông qua nội dung Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.

Điều 10: Thông qua nội dung Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.

Điều 11: Thông qua nội dung Ban hành Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.

Điều 12: Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp.

Điều 13: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, các ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các cổ đông và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

PHẠM KHÁNH TOÀN